

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### **Thông tin khái quát**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/04/2011 với mã số doanh nghiệp là 0400463362.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 06/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 65/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DAE.

**Vốn điều lệ:** 14.986.800.000 đồng.

**Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2017:** 14.986.800.000 đồng, trong đó tỷ lệ phần vốn của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam là 29,41%.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ: 78 Pasteur, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3886497 - Fax: (84) 0236.3887793
- Website: [www.sachgiaoduc.com](http://www.sachgiaoduc.com)

### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Xuất bản sách, chi tiết: liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- In và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Dịch vụ photocopy, cho thuê văn phòng, quảng cáo thương mại;
- Đại lý mua bán ký gởi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của Công ty.

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2017 là 27 người, trong đó, cán bộ quản lý là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm có:

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Hội đồng quản trị

• Ông Ông Thừa Phú	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
• Ông Huỳnh Bá Văn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 29/01/2015
		Miễn nhiệm ngày 25/01/2018
• Ông Phạm Nhiêu	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014
• Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014
• Ông Nguyễn Thế Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014

### Ban Kiểm soát

• Bà Phạm Thị Thu Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014
• Ông Đặng Lê	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014
• Bà Đặng Thị Trang	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2014

### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Phạm Nhiêu	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 07/05/2014
• Ông Nguyễn Thế Dũng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 07/05/2014
• Bà Nguyễn Thị Minh Tâm	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 07/05/2014

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc  
Giám đốc

Phạm Nhiêu

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2018



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 079/2018/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 01/02/2018, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

### Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

**Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2018-010-1  
Đà Nẵng, ngày 16 tháng 02 năm 2018

**Đinh Thị Ngọc Thùy – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2018-010-1

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.655.133.571</b>	<b>31.018.549.400</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.262.152.642</b>	<b>8.927.158.551</b>
1. Tiền	111		2.262.152.642	2.927.158.551
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	6.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.000.000.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	2.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.379.108.382</b>	<b>10.972.656.611</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	11.445.144.782	11.113.817.304
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		99.565.104	43.296.235
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	119.367.123	104.007.699
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(284.968.627)	(288.464.627)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>11.213.397.023</b>	<b>10.534.545.470</b>
1. Hàng tồn kho	141		12.734.839.758	12.049.577.447
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.521.442.735)	(1.515.031.977)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>800.475.524</b>	<b>584.188.768</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	711.495.198	562.350.004
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	88.980.326	21.838.764
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.053.275.202</b>	<b>7.891.885.262</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.720.450.732</b>	<b>3.881.304.576</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.220.050.732	2.380.904.576
- Nguyên giá	222		5.649.084.372	5.649.084.372
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.429.033.640)	(3.268.179.796)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.500.400.000	1.500.400.000
- Nguyên giá	228		1.500.400.000	1.500.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.137.882.163</b>	<b>3.167.516.709</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	3.167.516.709	3.167.516.709
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7.c	(29.634.546)	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>194.942.307</b>	<b>843.063.977</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	194.942.307	843.063.977
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>36.708.408.773</b>	<b>38.910.434.662</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.672.597.148</b>	<b>7.904.449.458</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.837.238.667</b>	<b>6.010.402.458</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15.a	1.803.087.587	3.299.467.717
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		64.964.165	42.907.926
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	19.956.860	1.429.116
4. Phải trả người lao động	314		753.156.309	1.059.996.770
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	770.176.119	596.138.961
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18.a	460.079.752	81.010.478
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		965.817.875	929.451.490
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.835.358.481</b>	<b>1.894.047.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	15.b	1.823.358.481	1.882.047.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	18.b	12.000.000	12.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>30.035.811.625</b>	<b>31.005.985.204</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>30.035.811.625</b>	<b>31.005.985.204</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	14.986.800.000	14.986.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.986.800.000	14.986.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	2.859.726.199	2.859.726.199
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19	1.860.276.951	1.627.008.511
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	10.329.008.475	11.532.450.494
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	19	9.134.562.494	7.884.654.062
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19	1.194.445.981	3.647.796.432
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>36.708.408.773</b>	<b>38.910.434.662</b>



Phạm Nhiêu

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 02 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	70.402.619.481	73.729.762.521
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	866.683.922	1.739.654.354
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		69.535.935.559	71.990.108.167
4. Giá vốn hàng bán	11	22	53.367.445.077	55.243.353.528
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>16.168.490.482</u>	<u>16.746.754.639</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	557.195.606	462.382.278
7. Chi phí tài chính	22	24	667.801.762	579.376.073
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	-	26.930.556
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	3.918.402.219	4.104.696.662
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	6.346.806.291	6.527.426.381
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>5.792.675.816</u>	<u>5.997.637.801</u>
11. Thu nhập khác	31		32.957.142	8.745.909
12. Chi phí khác	32		-	25.023.257
13. Lợi nhuận khác	40		<u>32.957.142</u>	<u>(16.277.348)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>5.825.632.958</u>	<u>5.981.360.453</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.160.264.152	1.243.962.490
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>4.665.368.806</u>	<u>4.737.397.963</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	2.553	2.592
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	2.553	2.592



Giám đốc  
Phạm Nhiêu

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 02 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	69.278.691.268	70.323.343.021
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(60.335.926.424)	(60.620.490.796)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.875.558.179)	(4.348.600.008)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	(26.930.556)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.173.249.413)	(1.248.697.682)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.307.688.957	787.018.533
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.464.409.219)	(1.880.882.482)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.737.236.990</b>	<b>2.984.760.030</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.050.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	312.460.941	202.984.614
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.687.539.059)</b>	<b>(847.015.386)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	1.500.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(1.500.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.714.703.840)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.714.703.840)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(4.665.005.909)</b>	<b>2.137.744.644</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.927.158.551	6.789.413.907
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4.262.152.642</b>	<b>8.927.158.551</b>



Phạm Nhiêu

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 02 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29/03/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/04/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/04/2011 với mã số doanh nghiệp là 0400463362.

Vốn điều lệ: 14.986.800.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2017 của Công ty là 14.986.800.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 29,41% vốn điều lệ.

1.1. Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất bản và phát hành sách.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách, chi tiết: liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- In và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Dịch vụ photocopy, cho thuê văn phòng, quảng cáo thương mại;
- Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của Công ty.

#### 1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các Công ty nhận vốn đầu tư:

- Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục, tỷ lệ góp vốn 0,55%;
- Công ty CP Sách và TBTH Thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ góp vốn 0,52%;
- Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam, tỷ lệ góp vốn 7,5%;
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng, tỷ lệ góp vốn 8,76%.
- Công ty CP Đầu tư xuất bản – Thiết bị Giáo dục Việt Nam, tỷ lệ góp vốn 2%.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

##### Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, được xác định như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

#### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh gấp 2 lần đối với các tài sản cố định là phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5 - 2

### 4.6 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### *Quyền sử dụng đất*

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### *Khấu hao*

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### **4.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.
- Chi phí bán thảo phân bổ dài hạn trong khoảng thời gian có hiệu lực của hợp đồng căn cứ vào số lượng thực tế in và tỷ lệ thầu quy định.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### **4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### **4.9 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### *Phân phối lợi nhuận*

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.11 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### 4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong niên độ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### 4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với bán lịch block; 5% đối với các loại từ điển và sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.17 Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát (trực tiếp hoặc gián tiếp) hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	57.919.827	114.232.248
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.204.232.815	2.812.926.303
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	2.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.262.152.642</b>	<b>8.927.158.551</b>

### 6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	3.219.088.830	3.658.493.112
Nhà sách Yên Công	1.479.632.387	1.048.233.467
Sở GD và Đào tạo Thừa Thiên Huế	1.719.279.745	500.669.217
Công ty CP Quốc tế Việt Kim Long	1.906.206.447	794.168.952
Các đối tượng khác	3.120.937.373	5.112.252.556
<b>Cộng</b>	<b>11.445.144.782</b>	<b>11.113.817.304</b>

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	3.219.088.830	3.658.493.112
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	631.979.991	477.368.671
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	3.686.458	567.094.216
Công ty CP Sách - Thiết Bị Giáo Dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư	102.431.230	82.122.250
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư	15.606.656	-
Các đối tượng khác	Chung công ty đầu tư	-	553.281.806
<b>Cộng</b>		<b>3.972.793.165</b>	<b>5.338.360.055</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	29.967.123	-	13.413.699	-
Tạm ứng	89.400.000	-	90.594.000	-
<b>Cộng</b>	<b>119.367.123</b>	<b>-</b>	<b>104.007.699</b>	<b>-</b>

### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2017	01/01/2017
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	284.968.627	288.464.627
- Từ 3 năm trở lên	284.968.627	288.464.627
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>284.968.627</b>	<b>288.464.627</b>

### 10. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.647.018.168	-	4.448.943.705	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.082.061.238	-	779.636.732	-
Thành phẩm	7.000.637.251	1.521.442.735	6.814.102.979	1.515.031.977
Hàng hóa	5.123.101	-	6.894.031	-
<b>Cộng</b>	<b>12.734.839.758</b>	<b>1.521.442.735</b>	<b>12.049.577.447</b>	<b>1.515.031.977</b>

Không có hàng tồn kho dùng cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ phải trả vào ngày 31/12/2017.

### 11. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	711.495.198	561.454.095
Phí quản lý xuất bản	-	895.909
<b>Cộng</b>	<b>711.495.198</b>	<b>562.350.004</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí tổ chức bán thảo	194.942.307	843.063.977
<b>Cộng</b>	<b><u>194.942.307</u></b>	<b><u>843.063.977</u></b>

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	3.697.596.119	38.850.000	1.814.547.344	98.090.909	5.649.084.372
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>3.697.596.119</u></b>	<b><u>38.850.000</u></b>	<b><u>1.814.547.344</u></b>	<b><u>98.090.909</u></b>	<b><u>5.649.084.372</u></b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu năm	1.330.198.522	25.343.021	1.814.547.344	98.090.909	3.268.179.796
Khấu hao trong năm	147.903.840	12.950.004	-	-	160.853.844
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.478.102.362</u></b>	<b><u>38.293.025</u></b>	<b><u>1.814.547.344</u></b>	<b><u>98.090.909</u></b>	<b><u>3.429.033.640</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	2.367.397.597	13.506.979	-	-	2.380.904.576
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.219.493.757</u></b>	<b><u>556.975</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.220.050.732</u></b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 1.912.638.253 đồng.

### 13. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài với nguyên giá 1.500.400.000 đồng tại 78 Pasteur, Thành phố Đà Nẵng. Công ty không trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017			01/01/2017					
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng Cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Công ty CP Bán đồ & Tranh ảnh Giáo dục (ECI) (i)	Đang hoạt động	0,55%	10.294	118.937.709	-	152.351.200	118.937.709	-	130.733.800
- Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh (STC) (i)	Đang hoạt động	0,52%	29.300	456.275.000	-	908.300.000	456.275.000	-	1.122.190.000
- Công ty CP In PHS và TBTH Quảng Nam (ii)	Đang hoạt động	7,50%	33.750	242.304.000	-	-	242.304.000	-	-
- Công ty CP DV XB Giáo dục tại Đà Nẵng (ii)	Đang hoạt động	8,76%	35.000	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
- Công ty CP Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam	Đang hoạt động	2,00%	200.000	2.000.000.000	29.634.546	-	2.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>				<b>3.167.516.709</b>	<b>29.634.546</b>		<b>3.167.516.709</b>		

(i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu ECI và STC được xác định theo giá đóng cửa của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(ii) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của chúng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Trừ Công ty Đầu tư xuất bản - TBGD Việt Nam, Báo cáo tài chính năm 2017 của các Công ty nhận đầu tư đều có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn; Do đó, không phát sinh dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 15. Phải trả người bán

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.136.623.502	2.051.041.719
Các đối tượng khác	666.464.085	1.248.425.998
<b>Cộng</b>	<b>1.803.087.587</b>	<b>3.299.467.717</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.823.358.481	1.882.047.000
<b>Cộng</b>	<b>1.823.358.481</b>	<b>1.882.047.000</b>

#### c. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	2.959.981.983	3.933.088.719
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	625.654.426
Các đối tượng khác	Chung công ty đầu tư	7.700.400	-
<b>Cộng</b>		<b>2.967.682.383</b>	<b>4.558.743.145</b>

### 16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	1.429.116	76.284.100	63.822.798	-	13.890.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.442.443	-	1.160.264.152	1.173.249.413	27.427.704	-
Thuế thu nhập cá nhân (Vãng lai)	1.293.605	-	230.508.729	223.148.682	-	6.066.442
Thuế thu nhập cá nhân	6.102.716	-	115.077.000	170.526.906	61.552.622	-
Các loại thuế khác	-	-	1.035.276	1.035.276	-	-
Phí và lệ phí	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>21.838.764</b>	<b>1.429.116</b>	<b>1.586.169.257</b>	<b>1.634.783.075</b>	<b>88.980.326</b>	<b>19.956.860</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Trích trước chi phí bản thảo	770.176.119	596.138.961
<b>Cộng</b>	<b>770.176.119</b>	<b>596.138.961</b>

### 18. Phải trả khác

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	1.988.442	2.536.770
Chi phí tổ chức bản thảo	295.972.500	26.058.800
Cổ tức phải trả	81.081.415	9.255
Phải trả khác	81.037.395	52.405.653
<b>Cộng</b>	<b>460.079.752</b>	<b>81.010.478</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền ký cược của các Nhà sách	12.000.000	12.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000</b>	<b>12.000.000</b>

### 19. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	14.986.800.000	2.859.726.199	1.390.138.613	7.884.654.062
Tăng trong năm	-	-	236.869.898	4.737.397.963
Giảm trong năm	-	-	-	1.089.601.531
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>14.986.800.000</b>	<b>2.859.726.199</b>	<b>1.627.008.511</b>	<b>11.532.450.494</b>
Số dư tại 01/01/2017	14.986.800.000	2.859.726.199	1.627.008.511	11.532.450.494
Tăng trong năm	-	-	233.268.440	4.665.368.806
Giảm trong năm	-	-	-	5.868.810.825
<b>Số dư tại 31/12/2017</b>	<b>14.986.800.000</b>	<b>2.859.726.199</b>	<b>1.860.276.951</b>	<b>10.329.008.475</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam	4.407.610.000	4.407.610.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.579.190.000	10.579.190.000
<b>Cộng</b>	<b>14.986.800.000</b>	<b>14.986.800.000</b>

### c. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.498.680	1.498.680
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	11.532.450.494	7.884.654.062
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	4.665.368.806	4.737.397.963
Phân phối lợi nhuận	5.868.810.825	1.089.601.531
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	2.397.888.000	-
- Trả cổ tức cho các cổ đông (16%)	2.397.888.000	-
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	3.470.922.825	1.089.601.531
- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ (5%)	233.268.440	236.869.898
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành (5%)	233.268.440	236.869.898
- Quỹ khen thưởng phúc lợi (13%)	606.497.945	615.861.735
- Trả cổ tức cho các cổ đông (16%)	2.397.888.000	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm</b>	<b>10.329.008.475</b>	<b>11.532.450.494</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2016 và tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-DAEBSCO năm 2017 ngày 05/04/2017.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu sách giáo khoa	14.964.536.435	16.876.824.954
Doanh thu sách bổ trợ	3.665.883.076	3.685.503.145
Doanh thu sách tham khảo	49.115.085.801	50.597.454.059
Doanh thu bản đồ, tranh ảnh giáo dục	2.375.560.088	2.527.169.009
Doanh nhượng bán vật tư	281.554.081	42.811.354
<b>Cộng</b>	<b>70.402.619.481</b>	<b>73.729.762.521</b>

### 21. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
Chiết khấu thương mại	764.362.582	848.026.052
Hàng bán bị trả lại	102.321.340	891.628.302
<b>Cộng</b>	<b>866.683.922</b>	<b>1.739.654.354</b>

### 22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn sách giáo khoa	13.686.602.428	14.922.403.717
Giá vốn sách bổ trợ	2.816.435.956	2.835.860.659
Giá vốn sách tham khảo	33.141.826.591	33.849.276.384
Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	2.114.644.960	2.270.791.488
Giá vốn vật tư	272.413.731	41.942.555
Thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ	1.329.110.653	1.284.297.803
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.410.758	38.780.922
<b>Cộng</b>	<b>53.367.445.077</b>	<b>55.243.353.528</b>

### 23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	175.042.165	54.602.713
Chiết khấu thanh toán được hưởng	228.181.241	252.777.965
Cổ tức, lợi nhuận được chia	153.972.200	155.001.600
<b>Cộng</b>	<b>557.195.606</b>	<b>462.382.278</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 24. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí lãi vay	-	26.930.556
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	638.167.216	552.445.517
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	29.634.546	-
<b>Cộng</b>	<b>667.801.762</b>	<b>579.376.073</b>

### 25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương nhân viên bán hàng	2.380.573.596	2.462.311.187
Chi phí khấu hao	12.950.004	12.950.004
Chi phí vận chuyển sách	853.188.087	899.537.017
Chi phí thuê kho	327.272.728	305.454.544
Tuyên truyền, quảng cáo	344.417.804	424.443.910
<b>Cộng</b>	<b>3.918.402.219</b>	<b>4.104.696.662</b>

#### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2017	Năm 2016
Tiền lương, tiền ăn ca và các khoản trích theo lương	2.607.749.578	2.580.205.870
Khấu hao TSCĐ	147.903.840	147.903.840
Sửa chữa thường xuyên, công cụ dụng cụ	161.782.364	212.620.969
Giao dịch, hội nghị, khánh tiết	1.204.029.717	1.588.340.158
Chi phí khác	2.228.836.792	1.998.355.544
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(3.496.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>6.346.806.291</b>	<b>6.527.426.381</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.825.632.958	5.981.360.453
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(24.312.200)	(17.445.011)
- Điều chỉnh tăng	129.660.000	137.556.589
+Thù lao HĐTV không tham gia điều hành	109.660.000	112.533.332
+Chi phí không hợp lý, hợp lệ	20.000.000	25.023.257
+Tiền phạt thuế, tiền phạt vi phạm hành chính	-	25.023.257
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	153.972.200	155.001.600
Tổng thu nhập chịu thuế	5.801.320.758	5.963.915.442
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.160.264.152</b>	<b>1.243.962.490</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.160.264.152	1.192.783.088
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	-	51.179.402

### 27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.665.368.806	4.737.397.963
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(839.766.385)	(852.731.633)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành)	839.766.385	852.731.633
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.825.602.421	3.884.666.330
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.498.680	1.498.680
<b>Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.553</b>	<b>2.592</b>

### 28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.362.750.184	7.851.292.747
Chi phí nhân công	4.988.323.174	5.042.517.057
Chi phí khấu hao tài sản cố định	160.853.844	160.853.844
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.909.731.983	17.630.288.063
Chi phí khác bằng tiền	1.101.672.066	1.225.503.945
<b>Cộng</b>	<b>32.523.331.251</b>	<b>31.910.455.656</b>

### 29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh các sản phẩm giáo dục và bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### 30. Quản lý rủi ro

#### Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về tỷ giá; rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, không có các khoản vay; hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động giá.

#### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản, đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

#### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Ngoài ra Công ty còn bán lẻ thu tiền ngay cho khách lẻ thông qua cửa hàng. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

#### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.803.087.587	1.823.358.481	3.626.446.068
Chi phí phải trả	770.176.119	-	770.176.119
Phải trả khác	458.091.310	12.000.000	470.091.310
<b>Cộng</b>	<b>3.031.355.016</b>	<b>1.835.358.481</b>	<b>4.866.713.497</b>
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.299.467.717	1.882.047.000	5.181.514.717
Chi phí phải trả	596.138.961	-	596.138.961
Phải trả khác	78.473.708	12.000.000	90.473.708
<b>Cộng</b>	<b>3.974.080.386</b>	<b>1.894.047.000</b>	<b>5.868.127.386</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.262.152.642	-	4.262.152.642
Đầu tư tài chính	2.000.000.000	3.137.882.163	5.137.882.163
Phải thu khách hàng	11.160.176.155	-	11.160.176.155
Phải thu khác	29.967.123	-	29.967.123
<b>Cộng</b>	<b>19.452.295.920</b>	<b>3.137.882.163</b>	<b>22.590.178.083</b>
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.927.158.551	-	8.927.158.551
Đầu tư tài chính	-	3.167.516.709	3.167.516.709
Phải thu khách hàng	10.825.352.677	-	10.825.352.677
Phải thu khác	13.413.699	-	13.413.699
<b>Cộng</b>	<b>19.765.924.927</b>	<b>3.167.516.709</b>	<b>22.933.441.636</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 31. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tại TP.Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CPĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CPĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CPĐT&PT Trường PTCN Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In Sách Giáo khoa Hòa Phát	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ & tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2017	Năm 2016
<b>Mua hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Phí QLB,thuê kho	2.768.149.166	2.105.140.991
Công ty CP In Sách Giáo khoa Hòa Phát	In gia công	397.229.730	373.365.265
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	In gia công	2.778.943.237	2.709.988.891
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Tổ chức bản thảo	6.756.851.424	7.558.681.570
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Tập bản đồ, Atlas	2.131.280.320	2.302.811.392
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	2.463.440.890	3.497.613.212
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Mua sách tham khảo	6.138.182.770	5.909.437.960
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Mua sách tham khảo	7.815.030.846	10.998.964.846
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Mua Sách giáo khoa	1.081.185.150	1.134.928.160
Công ty CP ĐT&PT Trường PTCN Giáo dục	Sách CNGD	7.569.411.305	5.810.769.000
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Mua Sách giáo khoa	670.611.663	718.404.694
<b>Bán hàng</b>			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Cung ứng sách	26.575.221	21.891.856
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	3.517.988.560	3.891.836.750
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Cung ứng sách	12.633.826.150	13.600.141.130
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	3.882.102.136	3.931.422.431
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách	417.527.176	373.310.420
Công ty CP Sách & TBGD Bình Dương	Cung ứng sách	75.587.220	186.962.760
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Cung ứng sách	21.946.880	119.613.240
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Cung ứng sách	486.829.419	439.598.855
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Cung ứng sách	788.707.900	384.075.300
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	Cung ứng sách	388.978.410	1.150.089.855
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách	2.881.602.510	3.045.107.580

### c. Các giao dịch khác

		Năm 2017	Năm 2016
Hội đồng quản trị	Thù lao	190.140.000	196.800.000
Ban Giám đốc	Thu nhập	1.075.021.410	912.000.000

### 32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 33. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC.



Phạm Nhiêu

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 02 năm 2018

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh Tâm

Người lập biểu

Nguyễn Vũ Thanh Bình